

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết luật quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số: /TTr-SCT ngàytháng...năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

1. Sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 4 của Quy chế, cụ thể như sau:

“Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí chương trình đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả”.

2. Đổi điểm d, khoản 1, Điều 4 của Quy chế thành điểm đ, khoản 1, Điều 4 cụ thể như sau:

“đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Bộ Công Thương về tình hình thực hiện chương trình”.

3. Sửa đổi Điều 5 của Quy chế, cụ thể như sau:

“1. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình: Tổ chức xúc tiến thương mại; các cơ quan, đơn vị, hiệp hội, doanh nghiệp có chương trình, đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện quy định tại Quy chế này và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện chương trình; có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;
- c) Có chiến lược phát triển ngành hàng cụ thể trên thị trường mục tiêu;
- d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;

e) Thực hiện chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của nhà nước”.

4. Sửa đổi Điều 6 của Quy chế, cụ thể như sau:

“Điều 6. Đơn vị tham gia chương trình

Đơn vị tham gia thực hiện chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia”.

5. Sửa đổi Điều 7 của Quy chế, cụ thể như sau:

“Điều 7. Kinh phí thực hiện chương trình

1. Kinh phí thực hiện chương trình được thực hiện trực tiếp từ nguồn ngân sách tỉnh, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các đề án xúc tiến thương mại có trách nhiệm đảm bảo sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn kinh phí hỗ trợ và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho chương trình theo nguyên tắc: Kinh phí thực hiện chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị chủ trì thực hiện chương trình và phù hợp với thực tế của địa phương. Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện chương trình.

4. Các nội dung chi và mức hỗ trợ chương trình xúc tiến thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Quy chế này. Mức chi quy định nêu trên theo mức tối đa thì tùy theo tính chất của từng nội dung để hỗ trợ cho phù hợp.”

6. Sửa đổi Điều 9 của Quy chế, cụ thể như sau:

“Điều 9. Hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

2. Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.

4. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại ở nước ngoài: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

5. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh Bình Phước giao dịch đề mua hàng: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

6. Tổ chức Hội nghị quốc tế tại Việt Nam về ngành hàng xuất khẩu: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

7. Kết nối giao thương tại Việt Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

8. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

9. Mời đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics, trung tâm logistic phục vụ hoạt động ngoại thương: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

10. Tổ chức diễn đàn logistics Việt Nam, tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế về logistics tại Việt Nam: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

11. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 11/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

12. Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Việt Nam ở nước ngoài: Nội dung hỗ trợ theo

quy định tại Điều 24 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

13. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.”

7. Sửa đổi Điều 10 của Quy chế, cụ thể như sau:

“Điều 10. Hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Tổ chức và tham gia chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

4. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

5. Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

6. Tổ chức hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

7. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

8. Tổ chức tham gia khóa đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo (*trực tiếp và trực tuyến*): Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

9. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn, giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng của tỉnh và của doanh nghiệp tỉnh Bình Phước tại các tỉnh.

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng triển lãm chung, chi phí trang trí, chi phí vận chuyển, chi phí trực gian hàng; công tác phí cho cán bộ của đoàn chủ trì.

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ gồm điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc (Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); tổ chức hội thảo (Chi phí thuê hội trường, thiết bị); chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm.

10. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

11. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm: Thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

12. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: Thực hiện theo khoản 4 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

13. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại: Thực hiện theo khoản 5 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

14. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm: Thực hiện theo khoản 6 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

15. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước: Thực hiện theo

khoản 7 Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

16. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.”

8. Sửa đổi cụm từ “chương III thẩm định và quản lý kinh phí chương trình” của Quy chế thành “chương III xây dựng và thực hiện chương trình”.

9. Sửa đổi Điều 13 của Quy chế, cụ thể như sau:

“Điều 13. Quy trình xây dựng đề án thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại.

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng đề án, kế hoạch thực hiện chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của đơn vị (*02 bộ*) gửi về Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch. Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định các Đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị Chủ trì đề xuất và nội dung được hỗ trợ tại Quy chế này, tổng hợp thành Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh của năm kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục chương trình xúc tiến thương mại năm kế hoạch.

2. Căn cứ danh mục chương trình xúc tiến thương mại tỉnh của năm kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt, Sở Tài chính có nhiệm vụ thẩm định dự toán và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí cho các Đề án theo Danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đồng thời thông báo kết quả thẩm định cho Hội đồng thẩm định sau khi có kết quả thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh của năm kế hoạch và dự toán.

3. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề xuất đề án thực hiện chương trình (theo mẫu số 01 của Quy chế);

b) Đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại (theo mẫu số 02 của Quy chế);

c) Bản sao không cần chứng thực quyết định thành lập hoặc Điều lệ (*hoặc văn bản có giá trị tương đương*), báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất.

4. Các đề án xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với nhu cầu thực tế.

b) Phù hợp với định hướng phát triển ngoại thương của tỉnh.

c) Phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, mặt hàng của tỉnh.

d) Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Chương II Quy chế này.

đ) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

e) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 2 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

5. Đơn vị chủ trì được lựa chọn một trong các cách thức gửi hồ sơ sau:

a) Gửi qua đường bưu điện.

b) Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương.

c) Chuyển qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Công Thương.

10. Bổ sung Điều 17 của Quy chế, cụ thể như sau:

“Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chương trình sau khi các Đề án được UBND tỉnh phê duyệt.

Kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh theo quy định của pháp luật”.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung thì vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 2;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**